

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401389922 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2010 và cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 12 năm 2025.
- Địa chỉ:
 - + Trụ sở: Số 143 Phạm Như Xương, Phường Hòa Khánh, TP.Đà Nẵng.
 - + Văn Phòng: Số 26 Lê A, Phường Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0936.089.858
- Email: quangdatqdc@gmail.com ; Web: <https://quangdatqdc.com/>
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm Địa kỹ thuật và Kiểm định chất lượng công trình Xây dựng.
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 26 đường Lê A, P. Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): không

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thử nghiệm cơ lý cốt liệu			
1	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136-14;	Cân điện tử chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh

		AASHTO T27-18, T37-16	chuẩn, Tủ sấy 300 độ C	Nguyễn Văn Thành
2	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06	Cân điện tử chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Thiết bị dùng chung	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128/ C127- 15; AASHTO T185- 17	Cân điện tử chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, Bình thủy tinh các loại, Thùng ngâm mẫu, Khay chứa mẫu các loại, Côn thử độ hấp phụ nước của cát, Bình hút ẩm, sàng 5mm.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
4	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85-14	Bộ cân thủy tinh độ chính xác 0,1g, cân điện tử 15kg x0.5g, thùng ngâm mẫu, thước kẹp 200mm, tủ sấy 300 độ C.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
5	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M- 17a; AASHTO T19/T19M-18; EN 1097-3:98	Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Phễu chứa vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy 300 độ C, thước lá	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
6	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C566-13; AASHTO T255-16	Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, dụng cụ đảo mẫu	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
7	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142/ C142M-17; ASTM C117-17	Cân kỹ thuật 0,01g và 0,001g, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
8	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/ C40M- 16; AASHTO T21-05	Ống dung tích, cân kỹ thuật 0,001g, bếp cách thủy, sàng 20mm, thang màu, dung dịch: NaOH 3%, tananh 2%, rượu êtylic 1%	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
9	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C2938:02	Máy nén thủy lực, Máy khoan và máy cưa đá, Thước kẹp, Thùng	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành

			hoặc chậu để ngâm mẫu...	
10	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C131; AASHTO T96	Máy nén thủy có lực nén đạt 500 kN; xi lanh bằng thép, có đáy rời, cân kỹ thuật có độ chính xác 1 %; bộ sàng tiêu chuẩn thưng ngâm mẫu...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
11	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131: 14, C533:16; AASHTO T96:06	Máy mài mòn Los Angeles; Bi thép (Đạn mài mòn), Thiết bị hỗ trợ: Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật, Khay chứa	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
12	Xác định hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006; ASTM D4791	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 %; Thước kẹp cải tiến; Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
13	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006	Bình phản ứng kiềm silic, tủ sấy/tủ dưỡng hộ nhiệt độ cao; máy đo độ nở (thiết bị đo chiều dài mẫu) và cân kỹ thuật	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
14	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006	Cân phân tích, tủ sấy, bộ nghiền, bộ sàng, hóa chất	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
15	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân phân tích, tủ sấy, bộ nghiền, bộ sàng, hóa chất.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
16	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 AASHTO T122-16	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, đĩa sắt, đĩa nhôm...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
17	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật, kính lúp,...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành

38
CỔ
T
ÁN
XÃ
DU
74

18	Xác định hàm lượng silic ô xít vô định hình	TCVN 7572-19:2006	Thiết bị gia nhiệt; dụng cụ cân đo; dụng cụ phản ứng; dụng cụ lọc; dụng cụ chuẩn độ; Hóa chất.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
19	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, giấy nhám, đĩa thủy tinh, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
20	Xác định lượng hạt < 0,075mm của cát nghiền	TCVN 9205: 2012; ASTM C 117	Bộ sàng, thùng đựng mẫu, tủ sấy, cân, dụng cụ phụ trợ.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
21	Xác định hệ số Es	ASTM D2419	Bộ thí nghiệm ES lắc tay bằng nhựa...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
22	Cốt liệu nhẹ cho Bê tông- sỏi, dăm sỏi và cát Keramzit: Xác định thành phần cỡ hạt; khối lượng thể tích; độ bền xi lanh; khối lượng mất khi đun sôi; độ hút nước; độ ẩm	TCVN 6221:97	Bộ sàng, cân, máy nén, tủ sấy, dụng cụ khác.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
II	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng			
23	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854-00 AASHTO T100-10	Cân kỹ thuật 0,01g, bình tỷ trọng, cối chày sứ, sàng, bếp cát, tủ sấy, bơm chân không, tỷ trọng kế, phễu, thiết bị ổn nhiệt, cốc hoặc hộp nhôm có nắp	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
24	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-10	Tủ sấy, cân kỹ thuật 0,01g, bình hút ẩm, cốc hoặc hộp nhôm có nắp, rây, cốc sứ và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
25	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-00	Bộ dụng cụ vaxiliep, tấm kính nhám, rây, cối sứ và chày có đầu bọc cao su, bình thủy	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung

		AASHTO T89-10; T90-08	ting có nắp, cân kỹ thuật 0,01g, cốc hoặc hộp nhôm có nắp, tủ sấy, bát sắt tráng men hoặc sứ, dao để nhào trộn	
26	Xác định các thành phần cơ hạt	TCVN 4198:2012; ASTM C136:06; D1140; AASHTO T88:10; T27:11	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy sàng lắc, nhiệt kế, bình hút ẩm, cối và chày sứ, bình phun tia, dụng cụ thí nghiệm độ ẩm	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
27	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng .	TCVN 4199:2012; ASTM D 3080:01; AASHTO T236:96	Bộ máy cắt đất	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
28	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; D3877; D4546:01; AASHTO T216:96; BS1377:05;	Bộ máy nén đất tam liên, mẫu chuẩn, dao gạt đất, dao gạt bằng, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy, cân kỹ thuật 0,01g, đồng hồ đo biến dạng	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
29	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 ASTM D1557; D698; AASHTO T99-10; T180-10	Cối đằm, cân kỹ thuật 0,01kg, sang, bình phun nước, tủ sấy, bình hút ẩm, hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, dao gạt đất, khay để trộn đất, vải mềm, vỏ để đập vỡ đất cục, cối sứ và chày bọc cao su để nghiền đất	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
30	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D2937-71	Dao gạt đất, dao gạt bằng, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, cân kỹ thuật 0,01g.	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
31	Thí nghiệm CBR của đất, đá dăm trong phòng TN	TCVN 12792:2020 AASHTO T193 ASTM D1883	Máy CBR, đồng hồ đo biến dạng, bộ khuôn CBR, tấm đệm, chày đằm, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dụng cụ tháo mẫu	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
32	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén	TCVN 8868:2011; ASTM D2850; AASHTO T296	Bộ máy nén ba trục, Bộ máy nén đất tam liên, mẫu chuẩn, dao	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung

	3 trục (UU, CU, CD, CV)		gọt đất, dao gạt bằng, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy, cân kỹ thuật 0,01g, đồng hồ đo biến dạng	Lê Đức Đạt
33	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01; TCVN 9438:2012	Bộ máy nén ba trục, mẫu chuẩn, dao gạt đất, dao gạt bằng, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy, cân kỹ thuật 0,01g, đồng hồ đo biến dạng	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
34	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Hộp đựng mẫu, Dao vòng, Cân kỹ thuật, Tủ sấy, Đồng hồ bấm giờ, Dụng cụ làm phẳng, Nước,...	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
35	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012;	Dao vòng, Cân kỹ thuật, Đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ,...	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
36	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	Dao vòng, Thước kẹp, tủ sấy, Cân kỹ thuật, tấm kính, khay,...	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
37	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012	Khuôn, chày, dụng cụ gạt phẳng, chày đầm, phễu, bình đong,....	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
38	Nén cố kết Cv	TCVN 8722:2012	Máy nén cố kết, mẫu chuẩn, dao gạt đất, dao gạt bằng, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy, cân kỹ thuật 0,01g, đồng hồ đo biến dạng	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
39	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723: 2012; ASTM D2434	Hộp thấp, đá thấm, dao vòng, ống đo nước, vòng đệm cao su, thiết bị phụ trợ,....	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung

40	Xác định hệ số thấm vật liệu rời với cột nước không đổi	ASTM D2334; D5856	Hộp thấp, đá thấm, dao vòng, ống đo nước, vòng đệm cao su, thiết bị phụ trợ,...	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
41	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Tấm kim loại, thước thép vuông có chia vạch, phễu đổ, cân kỹ thuật,....	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
42	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, hộp ẩm,..	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
43	Xác định sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh trong phòng thí nghiệm	TCVN 8725: 2012	Cánh cắt, dao vòng, bàn (giá đỡ), các thiết bị phụ trợ,...	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
44	Xác định hàm lượng muối trong đất	TCVN 8727:2012	Tủ sấy, Phễu, giấy lọc, bình đong,	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
45	Đá xây dựng công trình thủy lợi- Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, tủ sấy, nhiệt kế, bếp cát, rây, cối chày,....	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
46	Đá xây dựng- Xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014	Cân kỹ thuật, bình hút ẩm, tủ sấy, chậu ngâm mẫu, giỏ lưới, khăn lau,...	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
47	Đá xây dựng- Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10322:2014	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng đong, tủ sấy, thước thép, thước kẹp, dụng cụ gạt phẳng, phễu,...	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
48	Đá xây dựng - Xác định độ bền cắt trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10323:2014	Máy cắt, máy nén, máy cưa, máy mài, thước kẹp, thước thép vuông góc, đồng hồ bấm giây,....	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
49	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén một trục trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10324:2014	Máy cắt, máy nén, máy cưa, máy mài, cân kỹ thuật, thước kẹp, thước thép vuông góc, bình	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung

			hút chân không, bể ngâm mẫu,....	
III	Thí nghiệm hiện trường			
50	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02:1971; AASHTO T204	Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm ³); Cân đĩa 5kg độ nhậy(1-2g); Cân đĩa 0,5kg độ nhậy(0,1g); Dao gạt đất lưỡi phẳng; Hộp nhôm; Vazolin hoặc mỡ để bôi trơn; Chảo sấy hoặc cồng đốt 90 ^o trở lên, - Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
51	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06; ASTM D1556	Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, để định vị); Cát chuẩn; Cân cân được 15kg chính xác 1,0g; Cân cân chính xác 0,01g; Cồn; Bộ sàng lỗ sàng 2,36; 1,18; 0,6; 0,3mm; Các dụng cụ khác(dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
52	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3 m	TCVN 8864: 2011; ASTM E1082	Thước dài 3m (nhẹ, đủ cứng, độ võng <0,5mm, bằng hợp kim nhôm hay gỗ tốt), nệm có chiều dày 3, 5, 7, 10, 15mm...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
53	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861: 2011	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
54	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867: 2011; AASHTO T256; ASTM D4685	Cần Benkenman; Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành

55	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866: 2011; ASTM E965	Cát chuẩn; Ống đong cát; Bàn xoa cát hình tròn- Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm; Thước dài khắc vạch 500mm; Cân có độ nhạy 0,1g; Tấm chắn gió...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
56	Thí nghiệm cắt cánh tại hiện trường (FVT)	22TCN 355-06	Máy cắt Cánh, cần, Các loại cánh cắt.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
57	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	ASTM D1586; TCVN 9351: 2022	Búa (tạ), đầu Xuyên, thiết bị hỗ trợ.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
58	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:12	Vòng chắn nước (vòng thép); Thiết bị giữ mức nước tự động; Hệ thống thùng nước & đo lưu lượng; Thiết bị hỗ trợ khác	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
59	Xác định modul biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354: 2012	Tấm nén tròn đáy phẳng, các thiết bị chất tải, cọc neo, kích thủy lực,....	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
60	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Thiết bị đo điện trở đất Kim thu sét, dây thu sét, đai và lưới thu sét, bộ phân nối đất chống sét, máy hàn...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
61	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821: 2011 ASTM D4429-92	Kích gia tải, đầu xuyên có diện tích 20 cm ² , vòng đo lực, đầu nối, cần nối, đồng hồ số 0.025 mm/ vạch, tấm gia tải...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
62	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D 6951	Cần xuyên, mũi côn xuyên, búa trượt, thước đo.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
63	Đo áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:11; AASHTO T252	Đầu đo áp lực nước lỗ rỗng (Piezometer); Thiết bị ghi dữ liệu (Data Logger); Thiết bị	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh

			cầm tay (Readout Unit); Ống dẫn và đầu nối.	Nguyễn Văn Thành
IV	Phép thử đất, đá gia cố bằng chất kết dính			
64	Đất gia cố bằng chất kết dính với xi măng; Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; Xác định độ bền khi nén; xác định mô đun biến dạng; xác định độ ổn định với nước và nhiệt độ	22TCN 59: 1984	Máy nén, Thùng, bình giữ ẩm, tủ sấy, máy ổn định nhiệt, rây, cân các loại, Cối đầm nén tiêu chuẩn cỡ nhỏ (cối 100cm ³), búa, ống sắt, tấm nệm và bàn nén,...	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
65	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá với chất kết dính vô cơ	TCVN 9843: 2013	Máy nén thủy lực, khuôn Protor tạo mẫu; Máy đầm protor; Bộ dụng cụ dùng chung	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
66	Xác định cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862: 2011	Máy nén thủy lực; Bộ dụng cụ dùng chung	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
67	Xác định độ đầm chặt theo pp khô và ướt	ASTM D559- 03	Thiết bị tạo mẫu, thiết bị làm ướt, làm khô, bàn chải, dây thép, cân kỹ thuật, thước đo.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
68	Độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hoà sấy	ASTM C496-74	Máy nén, thiết bị gá, đồ gá cố định mẫu, dụng cụ đo	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
69	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633:96	Máy nén, khuôn đúc mẫu, thiết bị đầm nén, cân kỹ thuật, thước kẹp, thùng bảo dưỡng mẫu.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
70	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634:96	Bộ phận thả, quả nặng, bộ đỡ mẫu, thước đo độ cao.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành

71	Xác định cường độ uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1635:96	Máy nén, bộ gá uốn, mẫu thử, thiết bị đo độ võng.	Trần Hoàng Châu Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Thành
V	Phép thử phân tích hóa nước cho xây dựng			
72	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Tủ sấy, cân phân tích, bình hút ẩm, cốc thủy tinh, bộ lọc, bếp nung.	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
73	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Thiết bị đo pH (pH-mét); điện cực đo PH; thiết bị bù nhiệt; thiết bị khuấy mẫu, dung dịch đệm chuẩn.	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
74	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	Buret, pipet; Bình tam giác (Erlenmeyer); cốc đong, ống đong; Giá treo buret, đĩa thủy tinh.	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
75	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO ₄ ⁻²)	TCVN 6200:1996	Lò nung, tủ sấy, cân phân tích, chén nung, thiết bị lọc, bình định mức, bếp điện/ bếp cát.	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
76	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Nồi cách thủy, ống nghiệm, buret, bình đong; Pipet định mức (6.5); thiết bị khác.	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung
77	Xác định hàm lượng Natri và Kali.	TCVN 6196:2000	Thiết bị đo, thiết bị lọc, Các bình định mức, pipet và dụng cụ chứa thủy tinh borosilicat loại A; thiết bị lọc, thiết bị hỗ trợ.	Trần Thị Tường Vy Phan Thị Quế Dung

Công ty TNHH Tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Lê Đức Đạt